

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH LIÊM
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 8 - 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Hiếu;
2. Bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Vân Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2021/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Sơn P - sinh năm 1993; nơi ĐKKHKT: ấp Bưng Buổi, xã LT, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Trọng T - sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: thôn Thượng ĐV, xã TN, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2021 và bản tự khai, nguyên đơn - chị Sơn P trình bày:* chị và anh Nguyễn Trọng T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã TN, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ngày 09/5/2016. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống ở thôn Thượng ĐV, xã TN, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Sau đó, anh chị vào miền Nam sinh sống và làm việc. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 2018 thì P1 sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống; hơn nữa, cả 2 vợ chồng đều không có công việc ổn định, chỉ là

lao động tự do, nhà cửa không có phải đi thuê nhà trong thành phố Hồ Chí Minh để đi làm, nên kinh tế vợ chồng khó khăn. Đặc biệt, khi sinh con thứ 3, kinh tế vợ chồng ngày càng khó khăn hơn, chị không đi làm mà ở nhà chăm con, còn anh T là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Áp lực kinh tế khiến anh T hay chửi bới, xúc phạm chị, làm tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn quan tâm và yêu thương nhau như trước đây nữa. Đến tháng 02 năm 2021, anh chị sống ly thân; anh T và cháu lớn về sinh sống tại thôn Thượng ĐV, xã TN, còn chị và hai cháu nhỏ sinh sống tại miền Nam. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo về đoàn tụ, song không thành. Nay, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Tuấn K - sinh ngày 15/6/2015, Nguyễn Anh Q- sinh ngày 19/7/2017 và Nguyễn Tấn P1 - sinh ngày 25/8/2020. Hiện nay, cháu K đang do anh T nuôi dưỡng, còn cháu Q và cháu P1 do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu Q và cháu P1, còn cháu K giao cho anh T nuôi dưỡng; chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung gì, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 19/3/2021, bị đơn - anh Nguyễn Trọng T trình bày:* anh kết hôn với chị Sơn P trên cơ sở có tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã TN, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ngày 09/5/2016. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống ở thôn Thượng ĐV, xã TN, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì P1 sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng kinh tế khó khăn, không có công việc ổn định. Năm 2020, dịch bệnh Covid-19 bùng phát, khiến công việc của anh chị bị ảnh hưởng nặng nề, thu nhập kém đi; chị P sinh con thứ 3, không đi làm được, nên kinh tế càng khó khăn hơn. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống chủ yếu ở Thành phố Hồ Chí Minh, đến tháng 02 năm 2021 anh về xã TN huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam sinh sống, từ đó vợ chồng sống ly thân. Anh đã nhiều lần liên lạc nói chuyện với chị P về mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng, muốn vợ chồng tiếp tục chung sống cùng nhau để nuôi dạy con chung, nhưng chị P không muốn chung sống cùng anh. Mặc dù hai bên gia đình đã động viên khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ, song không thành. Nay, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị P, nên không nhất trí ly hôn và muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

- Về con chung: vợ chồng có 03 con chung như chị Phách trình bày. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cháu K, còn chị P nuôi cháu Q và cháu P1; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Xác minh tại UBND xã TN xác định:* nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Sơn P và anh Nguyễn Trọng T là do kinh tế vợ chồng khó khăn; đặc biệt, khi sinh con thứ 3, kinh tế vợ chồng ngày càng khó khăn hơn, chị P không đi làm ở nhà chăm con, còn anh T là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Thời gian gần đây, anh chị sống ly thân; anh T và cháu lớn về sinh sống tại thôn Thượng ĐV, xã TN, còn chị P và hai cháu nhỏ sinh sống tại miền Nam. Nay, chị P xin ly hôn anh T, vì các con chung của anh chị hiện đang còn nhỏ, nên đề nghị Tòa án kiên trì hòa giải để vợ chồng anh chị đoàn tụ; trường hợp Tòa hòa giải đoàn tụ không thành, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo anh Nguyễn Trọng T đến để tham gia các buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do; chị Sơn P có đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa, nên Tòa án không hòa giải giữa các đương sự được.

**** Tại phiên tòa:***

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - xử cho ly hôn giữa chị Sơn P và anh Nguyễn Trọng T. Về con chung: giao cháu Nguyễn Tuấn K - sinh ngày 15/6/2015 cho anh Nguyễn Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu Kiệt đủ 18 tuổi; giao 02 cháu Nguyễn Anh Q- sinh ngày 19/7/2017 và Nguyễn Tấn P1 - sinh ngày 25/8/2020 cho chị Sơn P trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: chị Sơn P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Sơn P có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là anh Nguyễn Trọng T hiện cư trú tại xã TN, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa chị Sơn P và anh Nguyễn Trọng T là tự nguyện, hợp pháp. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, nên xảy ra mâu thuẫn. Mặt khác, do anh chị đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định, đặc biệt khi sinh con thứ ba và bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 thì kinh tế vợ chồng gặp nhiều khó khăn hơn; nên vợ chồng hay cãi chửi nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Anh chị sống ly thân từ tháng 02 năm 2021 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ, song không thành. Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa chị P và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị P xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: chị Sơn P và anh Nguyễn Trọng T có 03 con chung là Nguyễn Tuấn K - sinh ngày 15/6/2015, Nguyễn Anh Q- sinh ngày 19/7/2017 và Nguyễn Tấn P1 - sinh ngày 25/8/2020. Chị Phách và anh Toàn đều có nguyện vọng nếu ly hôn thì giao cháu Nguyễn Tuấn K cho anh Nguyễn Trọng T nuôi dưỡng, giao 02 cháu Nguyễn Anh Q và Nguyễn Tấn P1 cho chị Sơn P trực tiếp nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của chị Phách và anh Toàn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: các đương sự không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị Sơn P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các điều 147, 238, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Sơn P và anh Nguyễn Trọng T.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Tuấn K - sinh ngày 15/6/2015 cho anh Nguyễn Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi; giao 02 cháu Nguyễn Anh Q- sinh ngày 19/7/2017 và Nguyễn Tấn P1 - sinh ngày 25/8/2020 cho chị Sơn P trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu Quân, cháu P1 đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí: chị Sơn P phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004980 ngày 18/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND xã TN, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lại Xuân Cảnh